

**BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN
NĂM 2009**

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN
SAIGON COOP - SCID**



Mục lục	Trang
I. LỊCH SỬ HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN CÔNG TY	3
1. Lịch sử phát triển Công ty	3
2. Ngành nghề kinh doanh	4
3. Tầm nhìn, sứ mệnh	4
II. BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	7
1. Tình hình hoạt động năm 2009	7
2. Định hướng hoạt động năm 2010	11
III. BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	12
1. Kết quả hoạt động năm 2009	12
1.1 Các chỉ tiêu tài chính cơ bản	12
1.2 Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh năm 2009	13
2. Phương hướng nhiệm vụ 2010	16
2.1 Về phát triển mạng lưới và quản lý Dự án	16
2.2 Về công tác đầu tư & quản lý tài chính	16
2.3 Về kinh doanh và tiếp thị	16
2.4 Hoạt động “Vì cộng đồng”	17
IV. BÁO CÁO TÀI CHÍNH	17
V. BẢN GIẢI TRÌNH BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ BÁO CÁO KIỂM TOÁN	
VI. CÁC CÔNG TY CON, LIÊN DOANH LIÊN KẾT	18
1. Công ty con	18
2. Công ty liên kết, liên doanh	18
VII. TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ	20
1. Cơ cấu tổ chức Công ty	20
2. Nhân sự SCID	23
VIII. THÔNG TIN CỔ ĐÔNG VÀ QUẢN TRỊ CÔNG TY	24
1. Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, ban Tổng giám đốc	24
2. Các dữ liệu thông kê về cổ đông	30
IX. VĂN HÓA DOANH NGHIỆP – MỘT SỐ HÌNH ẢNH	31
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	32
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH NĂM 2009	

100 SIÊU THỊ CO.OPMART



*Tính đến ngày 31/1/2010

I. LỊCH SỬ HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN CÔNG TY

1. Lịch sử phát triển Công ty

Năm 2007

- Thành lập Công ty:
 - o Giấy chứng ĐKKD ngày 04/04/2007 số 4103006339, thay đổi lần 3 số ĐKKD ngày 25 tháng 11 năm 2009
 - o Ra mắt ngày 25/04/2007
 - o Vốn điều lệ ban đầu: 20.000.000.000 đồng
 - o Trụ sở chính: 199-205 Nguyễn Thái Học, P. Phạm Ngũ Lão, Quận 1, TP.HCM
 - o Website: www.scid-jsc.com
- Hoàn thiện đưa vào sử dụng 7 siêu thị Co.opMart
- Ngày 14/04/2007 Đại hội đồng cổ đông bất thường quyết định tăng vốn điều lệ lên 500.000.000.000 đồng
- Ngày 22/12/2007 Đại hội đồng cổ đông bất thường quyết định tăng vốn điều lệ lên 1.000.000.000.000 đồng



Năm 2008



- Ký kết biên bản ghi nhớ về hợp đồng hợp tác kinh doanh với tập đoàn Maple Tree – Singapore và Tổng công ty cơ khí giao thông Samco
- Hoàn thiện đưa vào sử dụng 7 siêu thị Co.opMart

Năm 2009



- Nhận quyết định giao đất của dự án Tân phong
- Ký kết hợp đồng hợp tác kinh doanh với tập đoàn Maple Tree – Singapore và Tổng công ty cơ khí giao thông Samco

- Hoàn thiện đưa vào sử dụng 9 siêu thị Co.opMart



- UBCKNN và Hiệp hội kinh doanh chứng khoán Việt nam tặng cup vàng “ thương hiệu chứng khoán uy tín 2009” và danh hiệu “công ty đại chúng tiêu biểu”

Biểu đồ thành lập công ty con, công ty liên doanh, liên kết

54

41

16



Năm 2007



Năm 2008



Năm 2009

2. Ngành nghề kinh doanh

- Đầu tư xây dựng siêu thị và cơ sở hạ tầng kỹ thuật cho ngành bán lẻ, kinh doanh trung tâm thương mại, cao ốc văn phòng;
- Tư vấn xây dựng (trừ kinh doanh dịch vụ thiết kế công trình, giám sát thi công và khảo sát xây dựng);
- Sản xuất, mua bán vật liệu xây dựng, hàng trang trí nội thất (không sản xuất tại trụ sở);
- Cho thuê kho, bãi;
- Đại lý mua bán, ký gửi hàng hóa;
- Kinh doanh bất động sản (trừ dịch vụ môi giới, định giá và sàn giao dịch bất động sản);
- Mua bán, chế biến nông lâm sản nguyên liệu, lương thực, thực phẩm (không chế biến và mua bán nông sản, thực phẩm tại trụ sở), đồ dùng cá nhân và gia đình;
- Môi giới thương mại;
- Kinh doanh nhà hàng ăn uống (không kinh doanh tại trụ sở);
- Kinh doanh lữ hành nội địa và quốc tế.
- ...

3. Tầm nhìn, sứ mệnh

Tầm nhìn:

Trở thành nhà đầu tư và quản lý địa ốc, phát triển mạng lưới thương mại bán lẻ chuyên nghiệp hàng đầu Việt nam.



Sứ mệnh:

Cung cấp cơ sở hạ tầng độc quyền cho hệ thống siêu thị Co.opMart trên toàn quốc



SIÊU THỊ CO.OP MART SÓC TRĂNG
6 HÙNG VƯƠNG - TP SÓC TRĂNG - TỈNH SÓC TRĂNG

CHỦ ĐẦU TƯ: CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI
SÀI GÒN SÓC TRĂNG (SASOCO)

ĐƠN VỊ TƯ VẤN THIẾT KẾ:
SIET
CÔNG TY TNHH TƯ VẤN THIẾT KẾ
KIẾN TRÚC VÀ NỘI THẤT
Số 10/11 Đường 17, Quận 7, TP. Hồ Chí Minh
Số 10/11 Đường 17, Quận 7, TP. Hồ Chí Minh





II. BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

1. Tình hình hoạt động năm 2009

Năm 2009 kinh tế thế giới vẫn đang trong tình trạng suy thoái, doanh số thương mại thế giới trong năm 2009 sụt giảm. Khủng hoảng tài chính thế giới và khu vực tiếp tục ảnh hưởng thị trường bất động sản và chứng khoán Việt Nam. Cuối năm giá xăng dầu tăng trở lại kéo theo giá cả các hàng hóa tiêu dùng thiết yếu tăng khiến nhu cầu tiêu dùng giảm sút. Trước tình hình đó chính phủ đã có nhiều biện pháp kích cầu, hỗ trợ lãi suất và bình ổn giá cả thị trường đã giúp tháo gỡ phần nào những khó khăn cho các doanh nghiệp.

Hoạt động kinh doanh siêu thị Co.opMart tập trung vào các mặt hàng tiêu dùng thiết yếu cho đời sống hàng ngày nên mức độ sụt giảm không nhiều. Nhìn chung doanh thu và giá cả của hệ thống Co.opMart tương đối ổn định. Mặt khác sự chuẩn bị đầu tư các dự án siêu thị Co.opMart đã được lên kế hoạch và có sự chuẩn bị “gói đầu” từ những năm trước cùng với uy tín thương hiệu Saigon Co.op và Co.opMart nên các dự án đầu tư của Công ty luôn được chính quyền các cấp quan tâm tạo điều kiện.

Bên cạnh những thuận lợi nêu trên, SCID cũng gặp phải nhiều khó khăn thách thức. Trên lĩnh vực bất động sản các chủ trương của Nhà nước về đất đai, nhà công sản thay đổi theo hướng giá cho thuê hoặc giao đất cho doanh nghiệp theo giá thị trường cùng với xu hướng đấu giá các mặt bằng đã tác động khó khăn không nhỏ đến việc phát triển mạng lưới TTTM, siêu thị.

Các tập đoàn phân phối nước ngoài tăng cường mở rộng mạng lưới, cạnh tranh quyết liệt với chúng ta trong việc tìm kiếm vị trí, đẩy giá thuê mặt bằng lên cao, tận dụng thế mạnh về nguồn vốn lớn áp dụng hình thức thanh toán ngay, trả trước ... Tất cả đã làm cho hoạt động đầu tư và kinh doanh của chúng ta gặp nhiều khó khăn

Từ những khó khăn và thuận lợi trên, năm qua HĐQT đã tập trung chỉ đạo công ty thực hiện một số trọng điểm sau:

1.1 Những kết quả đạt được:

1.1.1 Triển khai thực hiện các Nghị quyết của Đại hội cổ đông

Hội đồng quản trị đã thực hiện nghiêm túc các Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông. Trước những áp lực và thách thức lớn của tình hình suy thoái kinh tế toàn cầu

cùng với những diễn biến khó lường của thị trường, Hội đồng quản trị đã cùng với Ban tổng giám đốc khẳng định một quyết tâm cao, chủ động triển khai nhiều giải pháp đồng bộ để lãnh đạo hoạt động đầu tư và kinh doanh của công ty, phát huy sức sáng tạo và nỗ lực vượt khó của tập thể CBNV, duy trì tốt mối quan hệ với các đối tác đồng thời tranh thủ sự chỉ đạo của Thành ủy, UBND/TP và các tỉnh thành trong cả nước nhờ đó đã cơ bản hoàn thành tốt các mục tiêu và chỉ tiêu kế hoạch đề ra.

Hội đồng quản trị đã lãnh đạo tiếp tục duy trì tốc độ tăng trưởng nhanh, khẩn trương mở rộng mạng lưới đồng thời tích cực cải tiến hoạt động kinh doanh và quản lý. Kết quả năm 2009 chúng ta đã:

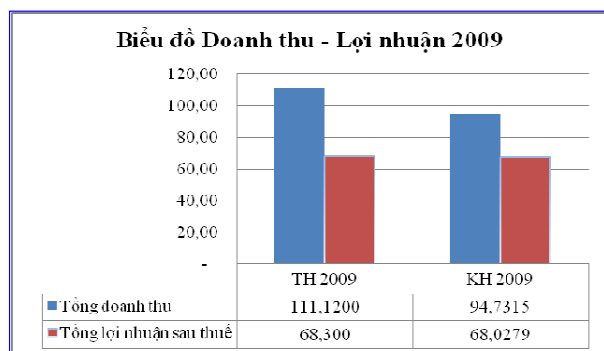
+ Mở rộng địa bàn ra miền Trung và phía Bắc, đặc biệt là Hà Nội, tập trung phát triển mạng lưới ST Co.opMart ở những tỉnh thành có nhiều tiềm năng và các quận huyện tại TP HCM chưa có Siêu thị Co.opMart. Thực hiện xây dựng và đưa vào hoạt động 9 TTTM - Siêu thị Co.opMart, còn 02 siêu thị chuyển qua năm 2010 và đã đưa vào hoạt động vào đầu năm. Sự chậm trễ này là do khó khăn về mặt thủ tục đầu tư ở các địa phương.

+ Tập trung nỗ lực thực hiện hoàn tất đền bù giải tỏa 2 DA lớn, xác định đây là nhiệm vụ chủ lực để thu hút, mời gọi các Nhà đầu tư lớn. Công ty đã ký kết HĐ liên doanh với đối tác nước ngoài Mapletree và Tổng công ty cơ khí giao thông Samco. Công ty cũng đã tổ chức tuyển chọn được đơn vị thiết kế nước ngoài có nhiều kinh nghiệm trong thiết kế các khu phức hợp, trung tâm thương mại lớn trên thế giới là Cty HOK để triển khai thiết kế cho dự án. Đến nay DA Tân Phong đã hoàn thành thủ tục về giao thuê đất, xin cấp GCNQSDĐ, đang tập trung hoàn tất các thủ tục để sớm nhận giấy phép đầu tư và phân đấu khởi công trong năm 2010. Đối với DA An Phú đã thực hiện đền bù giải tỏa đất trên 82% để sẵn sàng cho việc chuẩn bị thương lượng đàm phán và mời gọi các nhà đầu tư lớn tham gia triển khai DA. Hiện đã có một số nhà đầu tư trong và ngoài nước gửi văn bản đề nghị liên doanh hợp tác với chúng ta trong DA này.

+ Hoàn thành việc định giá tài sản và đang thực hiện các thủ tục chuyển giao chủ sở hữu cho SCID 4 tài sản, dự án của Saigon Co.op góp vốn cho SCID là: Tân Phong, An Phú, 253 ĐBP, 188 Hậu Giang.

+ Doanh thu đạt 111,12 tỷ đồng, đạt 117,3% kế hoạch, tăng 40,3% so với năm 2008. Lợi nhuận sau thuế TNDN đạt 68,3 tỷ đồng, đạt 100,4% kế hoạch, tăng 21,5% so với năm 2008. Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên vốn 9,13% đạt 100% kế hoạch, tăng 30,2% so với năm 2008. Lợi nhuận của công ty chủ yếu từ phần lợi nhuận được chia từ hoạt

động kinh doanh của các siêu thị Co.opMart. Lợi nhuận từ các dự án đầu tư chưa có do các dự án đầu tư vẫn đang còn trong giai đoạn đền bù giải tỏa và chuẩn bị đầu tư, trong khi đó phần vốn của Công ty đầu tư cho các dự án khá lớn. Tuy mức lợi nhuận trên tổng



vốn chưa cao, nhưng trong tình hình suy thoái kinh tế như hiện nay đồng thời thì đó cũng là một tín hiệu tốt làm cơ sở cho đà phát triển của Công ty trong những năm tới.

Trước tình hình thị trường bán lẻ vẫn còn nhiều cơ hội và đầy thử thách, đặc biệt các đối thủ cạnh tranh gay gắt chiếm lĩnh những vị trí tốt ở các TP lớn và khu kinh tế tập trung, HĐQT đã chỉ đạo Ban TGD tập trung nguồn lực tìm kiếm mặt bằng có vị trí chiến lược ở những quận huyện chưa có siêu thị Co.opMart tại TP. HCM và các tỉnh thành phố lớn, đặc biệt phát triển ở thị trường phía Bắc. Trong quá trình đàm phán cần quan tâm giá cả và các chi phí đầu tư khác phù hợp với thị trường tại chỗ để đảm bảo hiệu quả kinh doanh của Công ty.

Bên cạnh đó, HĐQT đã chỉ đạo Ban TGD thực hiện các biện pháp đàm phán thương lượng nhằm tiết kiệm chi phí đầu tư như liên hệ Nhà cung cấp lớn có thương hiệu mạnh mua sỉ các vật tư thiết bị quan trọng, đàm phán các Nhà thầu giữ ổn định hoặc tăng, giảm giá phù hợp với thay đổi giá vật tư thị trường.

Hội đồng quản trị tiếp tục chỉ đạo hoàn thiện tổ chức và hoạt động của Công ty đầu tư phát triển Saigon Co.op theo đúng định hướng đề ra. Các qui trình phối hợp trong hợp tác và đầu tư giữa Saigon Co.op và SCID được hoàn thiện và có nhiều tiến bộ. Nhờ đó công tác đầu tư phát triển mạng lưới được phát huy tốt, đặc biệt là đã tìm kiếm được 1 vị trí tại thị trường Hà Nội sau nhiều năm đeo bám, hoàn thành các chỉ tiêu của năm 2009 đồng thời có nhiều dự án chuẩn bị gói đầu cho các năm kế tiếp.

Trong công tác quản lý nội bộ Công ty, HĐQT chỉ đạo Ban tổng giám đốc một mặt quan tâm chính sách lương, thưởng hợp lý để thu hút người giỏi, mặt khác phải sắp xếp hợp lý hóa công việc không tăng thêm lao động ở những Bộ phận chưa thật cần thiết, tiết giảm các chi phí hành chánh văn phòng..v.v..

1.1.2 Hoạt động thường xuyên của HĐQT:

Trong năm qua, để đối phó với sự cạnh tranh gay gắt về phát triển thị trường, HĐQT đã thường xuyên họp hàng tháng và họp đột xuất để giải quyết nhanh các vấn đề mang tính chất cấp thời. Các cuộc họp nhằm xác định cụ thể chiến lược phát triển của SCID, quyết định những vấn đề quan trọng để thực hiện các Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông. HĐQT đã dành nhiều thời gian để bàn bạc các phương án tìm kiếm, khảo sát MB, tính toán suất đầu tư và phê duyệt các DA đầu tư. HĐQT cũng đã thực hiện nghiêm túc quy chế hoạt động của HĐQT và kiểm tra thường xuyên việc thực hiện quy chế làm việc của cơ quan điều hành mà HĐQT đã phê duyệt theo chức năng của HĐQT.

HĐQT cũng đã trực tiếp tham gia cùng Ban TGD đi thực tế khảo sát mặt bằng, thương lượng, đàm phán với các đối tác trong và ngoài nước về các DA trọng điểm và tham gia tìm kiếm đối tác và các nguồn vốn vay cho các DA đầu tư.

1.1.3 Tình hình vốn cổ phần và cổ đông:

a. Vốn cổ phần :

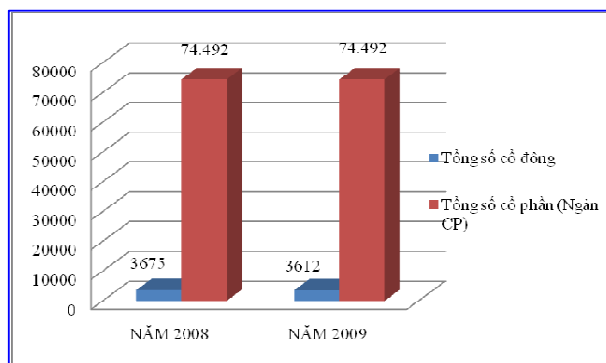
Tính đến ngày 31/12/2009 vốn điều lệ của Công ty như sau: (ĐVT: Triệu đồng)

CỔ ĐÔNG/ DIỄN GIẢI	31/12/2009	25/3/2010
1. SAIGONCO.OP, gồm:	630.000	630.000
▪ Tài sản	214.569	214.569
▪ Phần vốn góp trong các công ty liên doanh	82.236	82.236
▪ Tiền mặt	333.194	333.194
2. HTX TOÀN TÂM	5.000	5.000
3. Bà NGUYỄN KIM DUNG	150	150
4. CỔ ĐÔNG CÁ NHÂN	109.772	109.772
5. ĐỐI TÁC CHIẾN LƯỢC	0	0
TỔNG CỘNG	744.922	744.922

b. Cổ đông:

Công ty thành lập với 03 cổ đông sáng lập: Saigon Co.op, HTX Toàn Tâm và Bà Nguyễn Kim Dung.

Tính đến thời điểm chốt danh sách cổ đông để tiến hành Đại hội cổ đông ngày 25/3/2010 Công ty có **3.612 cổ đông**.



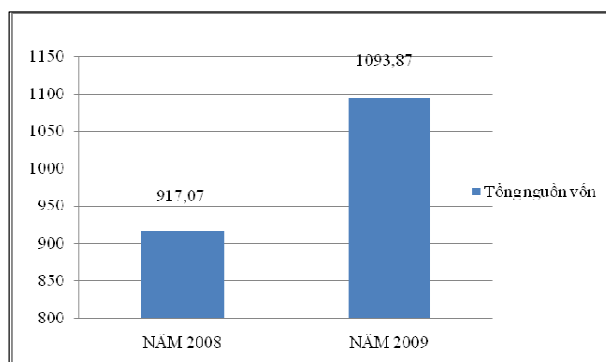
c. Nguồn vốn và sử dụng vốn:

Tổng nguồn vốn tính đến 31/12/2009 là 1.093,8 tỷ đồng gồm có:

- Nguồn vốn chủ sở hữu : 817,2 tỷ đồng
- Nợ phải trả : 276,6 tỷ đồng

Được sử dụng như sau :

- Góp vốn liên doanh vào các siêu thị Co.opMart: 403,6 tỷ
- Đền bù giải tỏa và đầu tư vào dự án Tân Phong, An Phú: 439 tỷ
- Đầu tư vào các tài sản (nhà 102 NKKN, 253 ĐBP, 188 HG): 73,9 tỷ
- Vốn lưu động : 177,3 tỷ



2. Định hướng hoạt động năm 2010

Theo dự báo trong năm 2010 tình hình thị trường bất động sản và chứng khoán có nhiều khả năng sẽ phục hồi. Tuy nhiên áp lực vẫn còn nhiều thách thức về sự cạnh tranh gay gắt trong việc tìm kiếm mặt bằng và các cơ hội hợp tác đầu tư để phát triển mạng lưới Co.opMart và các dự án bất động sản thương mại khác. Việc lãi suất ngân



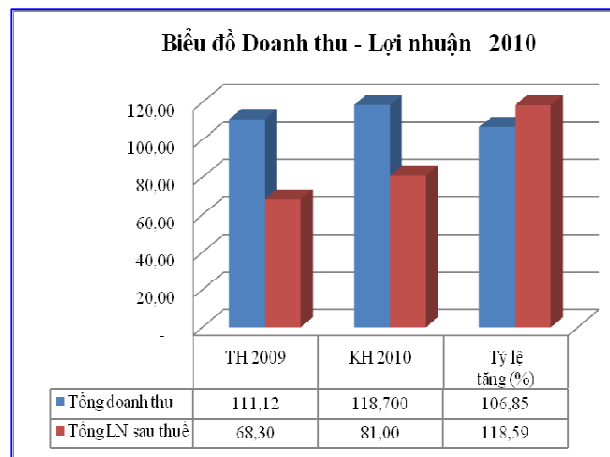
hàng đang tăng cao sẽ là áp lực rất lớn đến tình hình đầu tư các dự án. Hoạt động kinh doanh của các siêu thị Co.opMart cũng bị ảnh hưởng mạnh do việc gia tăng của các chi phí và giá cả từ các nhà cung cấp. Trước sức ép cạnh tranh về giá bán từ các tập đoàn bán lẻ nước ngoài khiến siêu thị

vừa phải giảm lãi gộp để cạnh tranh đồng thời phải tăng chi phí cho các hoạt động marketing và quảng cáo khuyến mãi làm ảnh hưởng đến hiệu quả kinh doanh của siêu thị. Vì thế khả năng phân lợi nhuận được chia từ các siêu thị Co.opMart phải thật nỗ lực mới có thể duy trì được.

Trước tình hình đó HĐQT sẽ tiếp tục chỉ đạo Công ty cần trọng theo dõi tình hình biến động của thị trường, rút kinh nghiệm về việc chọn mặt bằng đầu tư, phân đấu hoàn thành các chỉ tiêu KH đã đề ra về số lượng Co.opMart hoàn thành và đưa vào hoạt động; tích cực tìm kiếm đối tác triển khai các dự án đầu tư lớn, nhanh chóng nhận giấy phép đầu tư và khởi công các dự án đã ký hợp đồng liên doanh với đối tác; đồng thời sẽ chủ động điều chỉnh khi có những diễn biến không thuận lợi.

Một số chỉ tiêu chủ yếu:

- Số lượng TTTM – ST Co.opMart mới xây dựng và đưa vào hoạt động : 10
- Nhận giấy phép đầu tư và khởi công dự án Tân Phong với tổng vốn đầu tư khoảng 360 triệu USD.
- Hoàn tất việc đền bù giải tỏa và ký hợp đồng hợp tác với các đối tác để triển khai dự án An Phú
- Doanh thu : 118,7 tỷ đồng
- Tổng Lợi nhuận sau thuế : 81 tỷ đồng (tăng 19% /CK)
- Tỷ lệ lợi nhuận sau thuế/ vốn chủ sở hữu: 10,8 %
- Số lượng DA chuẩn bị cho 2 năm (2011 – 2012) : 25 DA



III. BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Tình hình Kinh tế – Thị trường 2009 :

- Khủng hoảng tài chính thế giới và khu vực tiếp tục ảnh hưởng thị trường bất động sản và chứng khoán Việt Nam.
- Các chủ trương của Nhà nước về phát triển mạng lưới, đất đai,... thay đổi theo hướng giá thuê giao đất sát với giá thị trường hoặc đấu giá các mặt bằng.



Tình hình Kinh tế – Thị trường ảnh hưởng trực tiếp đến SCID:

- Giá trị đầu tư các dự án tăng do giá giao thuê đất và một số vật tư xây dựng, trang thiết bị tăng.
- Thủ tục pháp lý chuyển đổi sở hữu đối với các tài sản từ LH sang cho SCID gặp nhiều khó khăn, kéo dài thời gian.
- Con đường tìm kiếm mặt bằng, phát triển mạng lưới của SCID đòi hỏi gay gắt hơn với đối thủ cạnh tranh là các tập đoàn nước ngoài.
- Chính sách hỗ trợ lãi suất ngân hàng của Nhà Nước cũng giúp Cty vận dụng được một số khoản vay cho các DA.

1. Kết quả hoạt động năm 2009: 1.1 Các chỉ tiêu tài chính cơ bản

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Năm/Kỳ trước	Năm nay/Kỳ này
1	Cơ cấu tài sản			
a	Tài sản ngắn hạn/Tổng số tài sản	%	40,03	37,83
b	Tài sản dài hạn/Tổng số tài sản	%	59,97	62,17
2	Cơ cấu nguồn vốn			
a	Nợ phải trả/Tổng nguồn vốn	%	12,63	25,29
b	Nguồn vốn chủ sở hữu/Tổng nguồn vốn	%	87,37	74,41
3	Khả năng thanh toán			
a	Khả năng thanh toán hiện hành	Lần	7,92	3,95

b	Khả năng thanh toán nhanh	Lần	0,74	0,06
4	Tỷ suất sinh lời			
a	Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên doanh thu thuần	%	1.198,52	372,14
b	Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên tổng tài sản	%	6,11	6,23
c	Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên vốn chủ sở hữu	%	7,01	8,36

1.2 Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh năm 2009

Đơn vị tính: VND

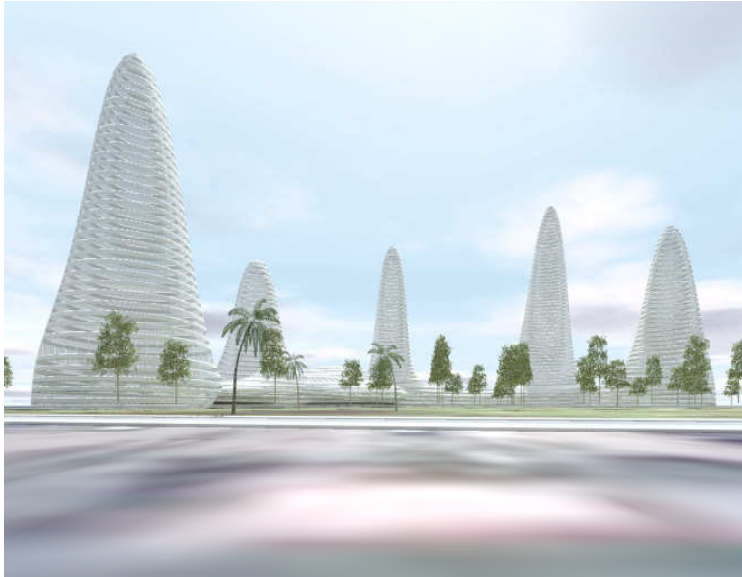
STT	CHỈ TIÊU	Năm trước	Năm nay
	Tổng doanh thu	79.168.928.386	111.121.202.024
17.	Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	56.178.480.474	68.267.646.893
18.	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	857	916

- Xây dựng & hoàn thiện, đưa vào hoạt động 9 TTTM-Siêu thị Co.opMart trong đó có 3 siêu thị TP.HCM, 06 siêu thị Tỉnh. 2 CM Tân Biên và Đà Nẵng chuyển sang khai trương trong tháng 01/2010 do khó khăn về thủ tục pháp lý địa phương. Ngoài ra, có phối hợp Saigon Co.op quản lý xây dựng 06 Co.op Food.



- Khởi công 6 dự án của kế hoạch 2010: Bạc Liêu, Bình Dương, Quảng Ngãi, Sóc Trăng, Hóc Môn, Quảng Trị và thực hiện công tác chuẩn bị cho nhiều dự án khác, đặc biệt là chuẩn bị mặt bằng Siêu thị CM tại Hà Nội.
- Tổ chức tìm kiếm, đàm phán với các đối tác chuẩn bị DA cho 2010 - 2012 trong đó phối hợp phòng Kế hoạch - Đầu tư Saigon Co.op và Tài chính SCID tiến hành khảo sát địa điểm dự kiến kế hoạch đầu tư và hiệu quả kinh doanh. Thông qua HĐQT kế hoạch thực hiện 4 nhóm DA (DA khai trương 2010, DA đang hoàn thành thủ tục và khởi công năm 2010, DA hoàn thành các thủ tục 2010 và khởi công 2011, DA cho năm 2012).

- Tổ chức và quản lý công tác bảo hành, bảo trì, sửa chữa các siêu thị Co.opMart, các tòa nhà đã đi vào hoạt động.
- Hoàn tất chuyển đổi 14 công ty 49/51. Thành lập mới 7 công ty 49/51.
- Các Dự án trọng điểm :
 - ❖ DA Tân Phong : UBND TP đã có quyết định giao đất cho SCID với diện tích 44.373m², đã ký kết xong Hợp đồng hợp tác với đối tác nước ngoài Mapletree và Samco, đã chọn đơn vị tư vấn thiết kế nước ngoài thiết kế DA và đang thực hiện các thủ tục xin cấp chứng nhận đầu tư.



- ❖ DA An Phú: thực hiện đền bù giải tỏa đất trên 82%. Đang trình duyệt QHCT 1/500, thực hiện các thủ tục xin giao đất, phân đấu đến tháng 6/2010 hoàn tất hồ sơ pháp lý để làm thủ tục chủ sở hữu đất và tìm kiếm đối tác có năng lực để hợp tác đầu tư.

- Về hoạt động cho thuê mặt bằng: phủ kín 88% các Co.opMart trong đó đa số các Co.opMart phủ kín 100% với diện tích cho thuê 52.204m², thu nhập cho thuê các Co.opMart đạt 123,7%/KH, tăng thêm nhiều đối tác thuê mặt bằng có thương hiệu.

- Tổ chức thành công các chương trình thu hút khách hàng cho siêu thị Tỉnh cụ thể tăng lượng khách và doanh thu cho các Co.opMart Tam Kỳ, Huế, Buôn Ma Thuột...



- Xây dựng mối quan hệ tốt với các cơ quan thông tấn báo chí TW, TP và các Tỉnh, tuyên truyền có hiệu quả các đợt khởi công, ký kết hợp tác các DA với đối tác và các chương trình thu hút khách hàng cho các siêu thị Tỉnh.

- Về công tác vì cộng đồng: CBNV tự nguyện góp 1%/lương/tháng cho hoạt động vì cộng đồng. Ngoài ra trong mỗi kỳ sinh hoạt chào cờ đều tự nguyện đóng góp thêm vào thùng từ thiện “Trái tim vàng” của công ty.

- Phối hợp với các Co.opMart mới khai trương và Hội bảo trợ BNN TP.HCM tổ chức đưa Bác sĩ, y sĩ giỏi TP. HCM về khám chữa bệnh, phát thuốc miễn phí, tặng quà cho bệnh nhân nghèo các Tỉnh vùng sâu vùng xa, bệnh nhân nghèo bị ung thư, tài trợ học bổng cho 1 con thương binh nặng Quận 10, xây dựng và trao tặng 3 Nhà tình nghĩa - Nhà tình thương. Tham gia cùng Liên hiệp các chương trình xây dựng Nhà tình nghĩa - Nhà tình thương; hỗ trợ bệnh nhân nghèo mổ tim, bị ảnh hưởng chất độc màu da cam, đóng góp cứu trợ đồng bào bị thiên tai.



- Tổng số tiền đóng góp của CBNV và vận động mạnh thường quân cho hoạt động vì cộng đồng trên 600 triệu đồng.

Khen thưởng 2009:



- UBND thành phố trao tặng cờ đơn vị xuất sắc và bằng khen tập thể LAO ĐỘNG XUẤT SẮC.

- UBCK Nhà Nước và Hiệp hội kinh doanh chứng khoán Việt Nam trao tặng cup vàng “Thương hiệu chứng khoán uy tín 2009” và danh hiệu “Công ty đại chúng tiêu biểu”, được bình chọn là công ty cổ phần triển vọng nhất trong 150 Công ty CP trên sàn OTC.



2. Phương hướng nhiệm vụ 2010

2.1 Về phát triển mạng lưới và quản lý Dự án :

- Tăng cường mối quan hệ với lãnh đạo các địa phương và các đối tác đặc biệt là các nhà đầu tư Bất động sản chiến lược để tìm kiếm chọn lọc các mặt bằng đầu tư hiệu quả.
- Hoàn chỉnh và áp dụng có hiệu quả qui trình quản lý trong việc Phát triển mạng lưới – Phát Triển dự án.
- Thực hiện quy trình phối hợp giữa SCID – Saigon Co.op về đầu tư và xây dựng Siêu thị Co.opMart
- Chuẩn hóa các quy trình chuyên môn trong chuỗi quy trình phát triển dự án, không để phát sinh tiêu cực, đảm bảo tiến độ và chất lượng các công trình khi đưa vào hoạt động.

2.2 Về công tác đầu tư & quản lý tài chính :

- Tăng cường quản lý chặt chẽ, kiểm soát chi phí đầu tư các DA và các chi phí hoạt động khác, đảm bảo đầu tư hợp lý và chất lượng công trình, tập trung tận thu các nguồn thu từ hoạt động kinh doanh, đồng thời tăng cường công tác kiểm tra, kiểm toán nội bộ đảm bảo hoạt động của công ty tuân thủ đúng chủ trương, pháp luật của Nhà nước và định hướng hoạt động do Đại hội đồng cổ đông, HĐQT và Ban TGD đề ra.
- Để quản lý đầu tư chặt chẽ và có hiệu quả, công ty sẽ tập trung các công trình DA quan trọng, ưu tiên vốn cho các DA tại TPHCM, Hà Nội và các Tỉnh có sức mua cao, đẩy nhanh tiến độ triển khai các DA lớn.
- Trên cơ sở tiến độ triển khai các DA, công ty sẽ xây dựng Kế hoạch tài chính với tiến độ giải ngân vốn vào các Công ty trực thuộc và đầu tư vào các DA. Theo dõi và xây dựng phương án thu hồi vốn đầu tư các DA đã triển khai đúng chỉ tiêu đề ra. Xác định thời điểm bắt đầu thu hồi vốn đầu tư và lợi nhuận từ các DA dài hạn nhằm tạo cơ sở cho việc hoạch định kế hoạch về lợi nhuận và cổ tức cho những năm tiếp theo. Theo dõi và đánh giá hiệu quả tài chính của từng DA đầu tư.
- Tham mưu HĐQT danh sách chọn đối tác chiến lược để phát hành thêm 25.000.000 cổ phiếu.
- Nắm bắt thời cơ thuận lợi tham mưu HĐQT tham gia đầu tư các hoạt động tài chính khác.

2.3 Về kinh doanh và tiếp thị :

- Tiếp tục triển khai chương trình “Khách hàng chiến lược”, xây dựng nguồn khách hàng sẵn có để hợp tác kinh doanh tại tất cả các dự án dự kiến khai trương trong năm 2010, tiếp xúc với các thương hiệu quốc tế để chuẩn bị cho các DA phức hợp, xây dựng hình ảnh Co.opMart các khu vực kinh doanh hàng hóa đến với người tiêu dùng.

- Phát huy hiệu quả của chương trình “Kết nối 2009”, xây dựng chương trình “Sắc Việt 2010” và phối hợp chặt chẽ với Saigon Co.op trong các chương trình khuyến mãi, các sự kiện lớn nhằm tăng lượng khách đến TTTM - siêu thị Co.opMart tại các Tỉnh.
- Tiếp tục nghiên cứu các giải pháp kỹ thuật, ứng dụng các thành tựu công nghệ thông tin để phục vụ hoạt động công ty, cụ thể là nâng cấp trang Web của công ty về mặt hình thức, nội dung, thông tin...

2.4 Hoạt động “Vì cộng đồng”

Đóng góp các chương trình xã hội từ thiện, tiếp tục vận động CBNV công ty và các công ty trực thuộc tự nguyện trích 1%/ lương/ tháng đóng góp quỹ “Vì cộng đồng”, duy trì và phát triển phong trào đóng góp quỹ “Trái tim vàng” từ CBNV SCID đồng thời vận động cổ đông, khách hàng, đối tác tự nguyện hưởng ứng tham gia.



IV. BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Báo Cáo tài chính năm 2009 đã được Công ty TNHH kiểm toán và tư vấn (A&C) tiến hành kiểm toán theo quy định của Pháp luật về kế toán và chuẩn mực kế toán Việt Nam.

Truy cập tại website <http://www.scid-jsc.com>

V. BẢN GIẢI TRÌNH BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ BÁO CÁO KIỂM TOÁN

1. Đơn vị kiểm toán độc lập

Công ty TNHH kiểm toán và tư vấn (A&C)

2. Ý kiến của kiểm toán độc lập:

Báo cáo tài chính đề cập đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty cổ phần đầu tư và phát triển Sài Gòn Co-op tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2009, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.

VI. CÁC CÔNG TY CON, LIÊN DOANH LIÊN KẾT

1. Công ty con:

Tên công ty con	Tỷ lệ phần sở hữu		Vốn đầu tư
	Theo giấy phép (%)	Thực góp (%)	
Công ty TNHH thương mại dịch vụ Tiền Giang - Sài Gòn	90,00	90,00	9.000.000.000
Công ty TNHH thương mại dịch vụ siêu thị Sài Gòn - Biên Hòa	60,00	60,00	15.394.180.000
Công ty TNHH thương mại Sài Gòn - Vĩnh Long	73,75	73,75	14.750.000.000
Công ty TNHH thương mại Sài Gòn – Gia Lai	70,00	70,00	8.400.000.000
Công ty TNHH thương mại Sài Gòn – Hậu Giang	70,00	70,00	5.600.000.000
Công ty TNHH thương mại Sài Gòn - Kiên Giang	70,00	70,00	8.400.000.000
Công ty TNHH thương mại dịch vụ Sài Gòn - Bạc Liêu	70,00	16,00	1.600.000.000
Công ty TNHH thương mại Sài Gòn – Cần Thơ	70,00	70,00	11.892.300.000
Công ty TNHH thương mại dịch vụ Sài Gòn - Đồng Hà	70,00	11,90	1.190.000.000
Công ty TNHH thương mại dịch vụ Trung Mỹ Tây	72,00	72,00	13.885.714.286
Công ty TNHH thương mại dịch vụ Sài Gòn – Trà Vinh	51,00	30,41	3.650.000.000
Cộng			93.762.194.286

2. Công ty liên kết, liên doanh

Tên công ty liên kết, liên doanh	Tỷ lệ phần sở hữu		Vốn đầu tư
	Theo giấy phép (%)	Thực góp (%)	
Công ty TNHH Sài Gòn Co.op Đàm Sen	49,00	49,00	3.113.000.000
Công ty TNHH Sài Gòn Co.op An Đông	49,00	49,00	3.122.000.000
Công ty TNHH Sài Gòn Co.op Tân Phú	49,00	49,00	6.082.000.000
Công ty TNHH Sài Gòn Co.op Hậu Giang	49,00	49,00	6.847.000.000
Công ty TNHH Sài Gòn Co.op Đình Chiểu	49,00	49,00	10.131.000.000
Công ty TNHH Sài Gòn Co.op Phú Lâm	49,00	49,00	15.294.000.000
Công ty TNHH Sài Gòn Co.op Cống Quỳnh	49,00	49,00	16.867.000.000
Công ty TNHH Sài Gòn Co.op Tiên Hoàng	49,00	49,00	18.062.000.000
Công ty TNHH Sài Gòn Co.op Thắng Lợi	49,00	49,00	19.051.000.000
Công ty TNHH Sài Gòn Co.op Nam Sài Gòn	49,00	49,00	19.056.000.000
Công ty TNHH Sài Gòn Co.op Phú Nhuận	49,00	49,00	25.059.000.000
Công ty TNHH Sài Gòn Co.op xa lộ Hà Nội	49,00	49,00	31.122.000.000
Công ty TNHH Sài Gòn Co.op Huế	49,00	49,00	4.900.000.000
Công ty TNHH thương mại dịch vụ Sài Gòn -	49,00	49,00	1.960.000.000

Bình Định			
Công ty TNHH Sài Gòn Co.op Nhiều Lộc	49,00	49,00	3.185.000.000
Công ty TNHH Sài Gòn Co.op Bình Tân	49,00	49,00	7.350.000.000
Công ty TNHH Sài Gòn Co.op Tam Kỳ	49,00	49,00	2.450.000.000
Công ty TNHH thương mại dịch vụ Sài Gòn - Phan Thiết	49,00	49,00	9.800.000.000
Công ty TNHH thương mại dịch vụ Sài Gòn - Phú Yên	49,00	49,00	3.430.000.000
Công ty TNHH thương mại dịch vụ Sài Gòn - Bình Dương	49,00	11,14	2.450.000.000
Công ty TNHH thương mại dịch vụ Sài Gòn - Bà Rịa	49,00	49,00	8.330.000.000
Công ty TNHH thương mại dịch vụ Sài Gòn - Vũng Tàu	49,00	49,00	7.350.000.000
Công ty TNHH thương mại dịch vụ Sài Gòn - Tân An	49,00	49,00	9.800.000.000
Công ty TNHH thương mại dịch vụ Sài Gòn - Buôn Ma Thuột	49,00	49,00	9.800.000.000
Công ty TNHH thương mại Sài Gòn - Quảng Ngãi	49,00	30,00	5.100.000.000
Công ty TNHH thương mại dịch vụ Sài Gòn - Bạc Liêu 2	49,00	41,25	3.300.000.000
Công ty TNHH thương mại dịch vụ Sài Gòn - Bình Phước	49,00	49,00	3.920.000.000
Công ty TNHH thương mại Sài Gòn - Bến Tre	49,00	49,00	4.900.000.000
Công ty TNHH thương mại dịch vụ An Đông	49,00	49,00	1.470.000.000
Công ty TNHH thương mại dịch vụ Sài Gòn - Phan Rang	49,00	49,00	3.920.000.000
Công ty TNHH thương mại dịch vụ Bình Đông	49,00	49,00	5.880.000.000
Công ty TNHH thương mại Sài Gòn - Sóc Trăng	49,00	7,66	1.149.050.000
Công ty TNHH Sài Gòn Co.op Suối Tiên	49,00	49,00	7.350.000.000
Công ty TNHH thương mại dịch vụ siêu thị Co.op Mart Tân Biên	49,00	4,08	490.000.000
Công ty TNHH Sài Gòn Co.op Tân Bình	49,00	49,00	3.920.000.000
Công ty TNHH Sài Gòn Co.op Đà Lạt	49,00	0,25	49.000.000

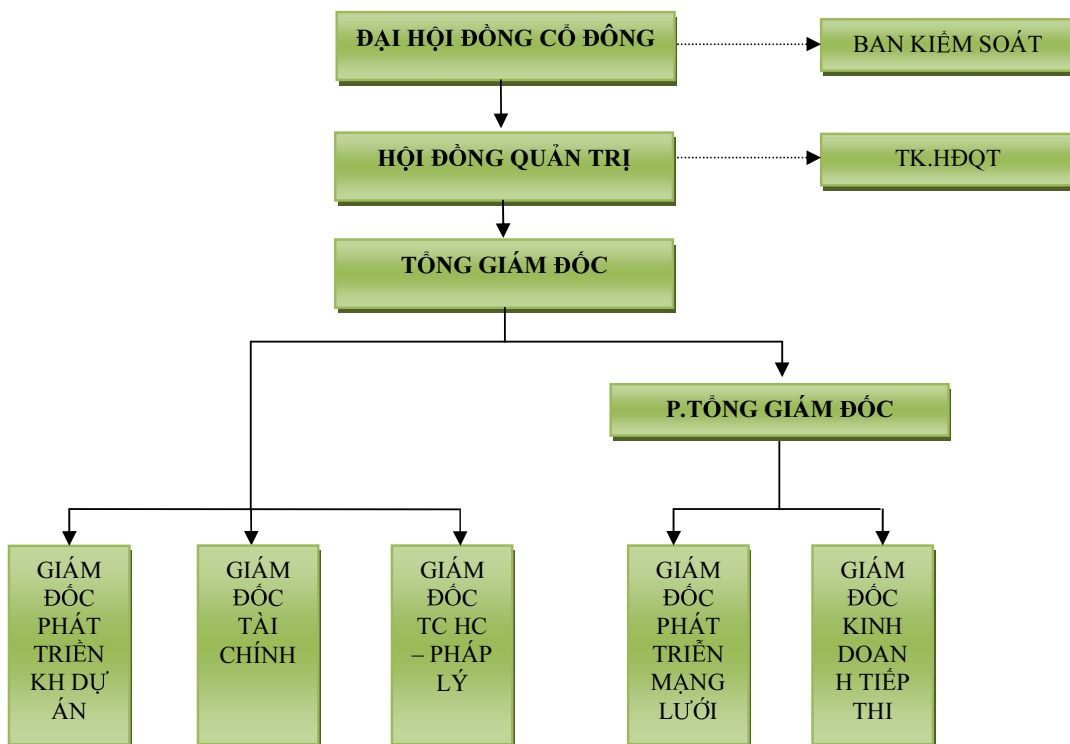
Công ty TNHH thương mại dịch vụ Sài Gòn – Đà Nẵng	49,00	3,92	294.000.000
Công ty TNHH Sài Gòn Co.op Gò Vấp	49,00	0,54	49.000.000
Công ty TNHH Sài Gòn Co.op Hà Nội	49,00	49,00	9.800.000.000
Công ty TNHH thương mại dịch vụ Sài Gòn Hà Tĩnh	49,00	49,00	2.940.000.000
Công ty TNHH Sài Gòn Co.op Hóc Môn	49,00	49,00	3.430.000.000
Công ty TNHH Sài Gòn Co.op Rạch Miễu	49,00	49,00	7.350.000.000
Cộng			309.922.050.000

VII. TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ

1. Cơ cấu tổ chức Công ty

Bộ máy quản lý của Công ty được tổ chức theo mô hình của công ty cổ phần.

Sơ đồ: cơ cấu bộ máy quản lý của Công ty năm 2009



Đại hội đồng Cổ đông

Đại hội đồng Cổ đông (ĐHĐCĐ) là cơ quan quyền lực cao nhất của Công ty, có toàn quyền quyết định mọi hoạt động của Công ty. ĐHĐCĐ có trách nhiệm bầu, bãi nhiệm Hội đồng Quản trị, Ban kiểm soát và các chức vụ khác theo quy định của Điều lệ.

Hội đồng Quản trị

Hội đồng Quản trị (HĐQT) là tổ chức quản lý cao nhất của Công ty do ĐHĐCĐ bầu ra gồm 5 thành viên với nhiệm kỳ là 5 (năm) năm và có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định, thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Công ty không thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông. Các thành viên HĐQT nhóm họp và bầu Chủ tịch HĐQT. Cơ cấu HĐQT của Công ty như sau:

Ông Nguyễn Ngọc Hoà	Chủ tịch HĐQT
Bà Nguyễn Thị Hạnh	Phó Chủ tịch HĐQT
Bà Nguyễn Thị Nghĩa	Ủy viên
Bà Nguyễn Thị Tranh	Ủy viên
Bà Trần Thị Kim Quyên	Ủy viên

Ban kiểm soát

Ban kiểm soát là tổ chức giám sát, kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp trong quản lý điều hành hoạt động kinh doanh; trong ghi chép sổ sách kế toán và tài chính của Công ty. Ban kiểm soát gồm 3 thành viên với nhiệm kỳ là 5 (năm) năm do ĐHĐCĐ bầu ra.

Cơ cấu Ban kiểm soát hiện nay của Công ty như sau:

Bà Nguyễn Kim Dung	Trưởng Ban kiểm soát
Bà Lê Thị Thuần	Thành viên
Ông Nguyễn Hữu Đông Hà	Thành viên

Ban điều hành

Ban điều hành của Công ty gồm Tổng giám đốc, phó Tổng giám đốc và Kế toán trưởng. Tổng giám đốc Công ty do HĐQT bổ nhiệm, là người đại diện theo pháp luật của Công ty.

Bà Nguyễn Thị Tranh	Tổng Giám Đốc
Bà Nguyễn Thị Thu Thủy	Phó Tổng Giám đốc
Bà Nguyễn Thị Hồng	Kế toán trưởng

Phòng Tài chính

- Kiểm tra hoạt động sản xuất kinh doanh (SXKD) bằng việc quản lý vốn kiểm soát toàn bộ vốn, nguồn vốn, doanh thu, chi phí, lãi lỗ và dòng tiền lưu chuyển trong hoạt động của công ty
- Phân tích hoạt động SXKD bằng báo cáo phân tích tài chính, phân tích đầu tư, tìm kiếm cơ hội kinh doanh để phát triển thị trường, mở rộng ngành nghề, gia tăng lợi nhuận
- Hoạch định hoạt động SXKD bằng kế hoạch tài chính, kế hoạch ngân sách, tham mưu các giải pháp đáp ứng yêu cầu quản trị & ra quyết định của Ban Tổng giám đốc
- Đầu tư: Trên cơ sở các thông tin, nguồn vốn được duyệt, tham mưu đầu tư tài chính vào các lĩnh vực bất động sản, chứng khoán....

Phòng Tổ chức hành chính

- Tổ chức công tác hành chính văn phòng đảm bảo tốt nhất các yêu cầu công tác của công ty
- Xây dựng các nội quy, quy chế của Công ty, quản lý lưu trữ hồ sơ theo quy định.
- Tham mưu cho Tổng giám đốc về quản lý và đào tạo nguồn nhân lực, tiền lương và các chính sách liên quan đến người lao động.
- Quản lý tài sản của công ty

Phòng phát triển mạng lưới

- Xây dựng kế hoạch và tổ chức tìm kiếm đầu tư, liên kết đầu tư các dự án về xây dựng trung tâm thương mại, siêu thị, shopping mall, trung tâm thương mại gắn với cao ốc văn phòng, khách sạn, căn hộ cao cấp...
- Xây dựng kế hoạch và triển khai tìm kiếm mặt bằng dự án mới theo vùng trọng điểm, theo thời gian.
- Phối hợp các cơ quan chức năng thực hiện công tác đền bù giải tỏa mặt bằng thực hiện dự án.

Phòng phát triển dự án

- Tham mưu cho Hội đồng quản trị và Ban tổng giám đốc quyết định dự án đầu tư, phát triển bất động sản.
- Tham mưu thẩm định giá bất động sản
- Triển khai thực hiện nghiên cứu tiền khả thi và khả thi
- Quản lý dự án đầu tư xây dựng từ giai đoạn chuẩn bị triển khai dự án cho đến khi hoàn thành đưa vào khai thác sử dụng

Phòng Kinh doanh tiếp thị

- Khai thác các mặt bằng cho thuê của trung tâm thương mại (TTTM) (quảng cáo, trang trí nội thất, thiết kế layout)
- Tư vấn, hướng dẫn và phê duyệt thiết kế gian hàng của người thuê
- Điều hành, quản lý các hoạt động thường xuyên của TTTM
- Lập kế hoạch marketing gồm quảng bá TTTM, tổ chức các chương khuyến mãi, PR, chương trình chăm sóc khách hàng....
- Cùng với bộ phận Tổ chức hành chính công ty để định kỳ bảo trì và sửa chữa các TTTM
- Quản lý ngân sách doanh thu, marketing và phí hoạt động của các TTTM

2. Nhân sự SCID :

- CBNV chính thức : 56 người

Lao động SCID tăng 09 người so với cùng kỳ -> phù hợp với nhiệm vụ mới và vẫn theo hướng một người kiêm nhiệm nhiều việc, CBNV làm việc theo mô tả chức danh và tổ chức đánh giá xét thi đua khen thưởng hàng quý.

- Chính sách đối với người lao động:

- o Thời gian làm việc và, nghỉ phép, lễ tết ... theo quy định của Luật lao động

- o Chính sách lương, thưởng:
Hệ thống lương được xây dựng trên nguyên tắc đánh giá trình độ, năng lực, kinh nghiệm, thâm niên chủ yếu dựa trên hiệu quả công việc, nhưng vẫn đảm bảo tuân thủ những quy định về chế độ tiền lương.



- o Thực hiện các chế độ BHXH, BHYT và các khoản bảo hiểm khác theo quy định của Luật lao động. Ngoài ra còn mua BH tai nạn cho CBCNV

- o Chính sách đào tạo: Công ty trích kinh phí đào tạo hỗ trợ CBCNV nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ.

VIII. THÔNG TIN CỔ ĐÔNG VÀ QUẢN TRỊ CÔNG TY

1. Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, ban Tổng giám đốc

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Ông NGUYỄN NGỌC HÒA	Chủ tịch Hội đồng quản trị
1. Họ và tên:	Nguyễn Ngọc Hòa
2. Số CMND:	021712753 Ngày cấp: 20/01/1994
3. Giới tính:	Nam
4. Ngày sinh:	20/06/1965
5. Nơi sinh:	Thành phố Hồ Chí Minh
6. Quốc tịch	Việt Nam
7. Dân tộc	Kinh
8. Quê quán	Phong Bình, Phong Điền, Thừa Thiên Huế
9. Địa chỉ thường trú	529/90 Huỳnh Văn Bánh, phường 14, Quận Phú Nhuận, TP.HCM
10. Trình độ học vấn	12/12
11. Trình độ chuyên môn	Tiến sĩ kinh tế
12. Quá trình công tác	
Từ 03/1993 – 3/1999:	Cán bộ quản lý của Saigon Coop, P. Trưởng phòng XNK, Trưởng phòng Marketing, Trưởng phòng Kinh doanh nội địa. Phó Giám đốc công ty liên doanh Oral B.
Từ 3/1999 – 5/2004:	Phó Tổng giám đốc Liên hiệp HTX thương mại Thành phố.
Từ 05/2004 – 2008:	Tổng Giám đốc Liên hiệp HTX thương mại Thành phố Hồ Chí Minh, Huân chương lao động hạng 3
Từ 2008 – Nay:	Chủ tịch HĐQT Liên Hiệp HTX TMTP (SaigonCo.op), Chủ tịch HĐQT SCID (từ tháng 3/2009)
13. Số lượng cổ phần sở hữu:	63.026.236 cổ phần (tương ứng với 84,61% vốn điều lệ)
- Số lượng cổ phần đại diện:	63.000.000 cổ phần
- Số lượng cổ phần sở hữu cá nhân:	26.236 cổ phần

Bà NGUYỄN THỊ HẠNH	Phó chủ tịch Hội đồng quản trị
---------------------------	---------------------------------------

1. Họ và tên:	Nguyễn Thị Hạnh
2. Số CMND:	023031911 Ngày cấp: 05/07/1996
3. Giới tính:	Nữ
4. Ngày sinh:	13/07/1960
5. Nơi sinh:	Trường Bình – Cần Giuộc – Long An
6. Quốc tịch	Việt Nam
7. Dân tộc	Kinh
8. Quê quán	Trường Bình – Cần Giuộc – Long An

9. Địa chỉ thường trú 525/36 Huỳnh Văn Bánh, phường 14, Quận Phú Nhuận, TP.HCM
10. Trình độ học vấn 12/12
11. Trình độ chuyên môn Thạc sĩ Quản trị kinh doanh
12. Quá trình công tác
- Từ 7/1987 – 1997: Phó Bí thư Quận Đoàn Q. Phú Nhuận, Ủy viên thường vụ Thành Đoàn TPHCM, Chủ tịch Hội Thanh Niên TPHCM
- Từ 4/1997 – 9/2001: Phó chủ tịch UBND Quận 7 Thành phố Hồ Chí Minh, Phó chủ tịch UBMTTQ Thành phố Hồ Chí Minh
- Từ 10/2001- nay: Phó Tổng giám đốc Liên hiệp HTX thương mại Thành phố
Bằng khen Thủ Tướng Chính Phủ
13. Số lượng cổ phần sở hữu: 20.505 cổ phần (tương ứng 0,034% trên vốn điều lệ)
- Số lượng cổ phần đại diện: Không có
- Số lượng cổ phần sở hữu cá nhân: 20.505 cổ phần

Bà NGUYỄN THỊ NGHĨA

Ủy viên Hội đồng quản trị

1. Họ và tên: Nguyễn Thị Nghĩa
2. Số CMND: 022077470 Ngày cấp: 14/04/1994
3. Giới tính: Nữ
4. Ngày sinh: 08/12/1948
5. Nơi sinh: Gò Vấp - TPHCM
6. Quốc tịch Việt Nam
7. Dân tộc Kinh
8. Quê quán Bà Điểm, Hóc Môn, TPHCM
9. Địa chỉ thường trú 47 Phạm Ngọc Thạch, Quận 3, TPHCM
10. Trình độ học vấn 10/10
11. Trình độ chuyên môn Cử nhân Quản lý Kinh tế thương nghiệp
12. Quá trình công tác
- Từ 05/1989 đến 04/2004: Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng giám đốc LH HTX Thương mại Thành phố
- Từ 05/2004 đến 2008: Chủ tịch HĐQT Liên hiệp HTX Thương mại Thành phố,
Anh Hùng lao động trong thời kỳ đổi mới
Huân chương lao động hạng nhất
- Từ 4/2007 đến 4/2009: Chủ tịch HĐQT Công ty Cổ phần Đầu tư phát triển Saigon Co.op
- Từ 4/2009 đến nay: Ủy viên HĐQT Công ty Cổ phần Đầu tư phát triển Saigon Co.op
13. Số lượng cổ phần sở hữu: 534.705 cổ phần (tương ứng 0,72% trên vốn điều lệ)
- Số lượng cổ phần đại diện: 500.000 cổ phần
- Số lượng cổ phần sở hữu cá nhân: 34.705 cổ phần

Bà NGUYỄN THỊ TRANH**Ủy viên Hội đồng quản trị**

1. Họ và tên: Nguyễn Thị Tranh
2. Số CMND: 021955140 Ngày cấp: 07/10/1995
3. Giới tính: Nữ
4. Ngày sinh: 10/10/1963
5. Nơi sinh: Khóm 7, Phường 7, xã Thạnh Mỹ Tây, Gia Định, TPHCM
6. Quốc tịch: Việt Nam
7. Dân tộc: Kinh
8. Quê quán: Khóm 7, Phường 7, xã Thạnh Mỹ Tây, Gia Định, TPHCM
9. Địa chỉ thường trú: 351/26C Lê Đại Hành, phường 11, Quận 11, TPHCM
10. Trình độ học vấn: 12/12
11. Trình độ chuyên môn: Thạc sĩ Quản trị kinh doanh (USA)
12. Quá trình công tác:
 - Từ 1/1989 – 11/1995: Phó Chủ tịch UBND P.4, Q.11, TPHCM
 - Từ 11/1995 – 1/2006: Phó Giám đốc, Giám đốc siêu thị, Phó Tổng Giám đốc kiêm Giám đốc chuỗi siêu thị Co.opMart, trưởng Ban QT HTX TM-DV Toàn Tâm.
 - Từ 1/2006 – nay: Phó Tổng Giám đốc Saigon Co.op, Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Saigon Co.op (SCID).
Huân chương lao động hạng 3
13. Số lượng cổ phần sở hữu: 27.779 cổ phần (tương ứng 0,37% trên vốn điều lệ)
 - Số lượng cổ phần đại diện: Không
 - Số lượng cổ phần sở hữu cá nhân: 27.779 cổ phần

Bà TRẦN THỊ KIM QUYÊN**Ủy viên Hội đồng quản trị**

1. Họ và tên: Trần Thị Kim Quyên
2. Số CMND: 020184231 Ngày cấp: 24/02/2005
3. Giới tính: Nữ
4. Ngày sinh: 07/04/1957
5. Nơi sinh: Sài gòn
6. Quốc tịch: Việt nam
7. Dân tộc: Kinh
8. Quê quán: Cần Thơ
9. Địa chỉ thường trú: 108/794B Nguyễn Kiệm, phường 3, Quận Gò Vấp, TPHCM
10. Trình độ học vấn: 12/12
11. Trình độ chuyên môn: Thạc sĩ Quản trị kinh doanh (USA)
12. Quá trình công tác:
 - Từ 1992 – 2001: Cán bộ quản lý của Saigon Coop, Trưởng phòng Kinh tế tổng

hợp, P. Nghiên cứu phát triển
Từ 2001 – nay: Phó tổng giám đốc Liên hiệp HTX thương mại Thành phố Hồ Chí Minh
Huân chương lao động hạng 3

13. Số lượng cổ phần sở hữu: 22.036 cổ phần (tương ứng 0,029% trên vốn điều lệ)
- Số lượng cổ phần đại diện: Không có
- Số lượng cổ phần sở hữu cá nhân: 22.036 cổ phần

BAN ĐIỀU HÀNH

Bà Nguyễn Thị Tranh - Tổng giám đốc (*xem chi tiết ở mục thành viên HĐQT*)

Bà Nguyễn Thị Thu Thủy - P. Tổng giám đốc

Bà NGUYỄN THỊ THU THỦY Phó. Tổng giám đốc

1. Họ và tên: Nguyễn Thị Thu Thủy
2. Số CMND: 020432790 Ngày cấp: 30/05/2009
3. Giới tính: Nữ
4. Ngày sinh: 20/02/1962
5. Nơi sinh: Campuchia
6. Quốc tịch: Việt Nam
7. Dân tộc: Kinh
8. Quê quán: Đồng Tháp
9. Địa chỉ thường trú: Số 65 đường 43 Phường Tân Qui, Q.7
10. Trình độ học vấn: 12/12
11. Trình độ chuyên môn: Thạc sĩ quản lý kinh tế
12. Quá trình công tác:

Từ 12/1985-09/1989	Nhân viên phòng bán Cty Tổng hợp Thương nghiệp HTX TP
Từ 09/1989-04/1999	Phó phòng xuất nhập khẩu Liên hiệp HTX Thương mại Thành phố (Saigon Co.op)
Từ 04/1999-5/2008	Phó Giám đốc CM Cống Quỳnh, Phó giám đốc Co.op Nguyễn Đình Chiểu, giám đốc Co.op Nguyễn Đình Chiểu
Từ 5/2008 – nay	Phó Tổng giám đốc Cty CP ĐT PT Sài Gòn Co.op (SCID)
13. Số lượng cổ phần sở hữu: 11.921 cổ phần (tương ứng 0,016% trên vốn điều lệ)
- Số lượng cổ phần đại diện: Không
- Số lượng cổ phần sở hữu cá nhân: 11.921 cổ phần

Bà NGUYỄN THỊ HỒNG Kế toán trưởng

1. Họ và tên: Nguyễn Thị Hồng

2. Số CMND: 020723357 Ngày cấp: 25/11/2008
3. Giới tính: Nữ
4. Ngày sinh: 01/12/1963
5. Nơi sinh: Bình Định
6. Quốc tịch: Việt Nam
7. Dân tộc: Kinh
8. Quê quán: Bình Định
9. Địa chỉ thường trú: 341 Điện Biên Phủ, P.4, Q.3, TPHCM
10. Trình độ học vấn: 12/12
11. Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế
12. Quá trình công tác
 - Từ 12/1984 đến 07/1999: Công tác tại Công ty Vật tư Q.5 và Công ty Xuất nhập khẩu Đầu tư Chợ Lớn
 - Từ 07/1999 đến 05/2007: Phó phòng Kế toán Liên hiệp HTX thương mại Thành phố
 - Từ 05/2007 đến nay: Kế toán trưởng Công ty Cổ phần Đầu tư phát triển Saigon Co.op
13. Số lượng cổ phần sở hữu: 7.786 cổ phần (tương ứng 0,010% trên vốn điều lệ)
 - Số lượng cổ phần đại diện: Không có
14. - Số lượng cổ phần sở hữu cá nhân: 7.786 Cổ phần

BAN KIỂM SOÁT

Bà NGUYỄN KIM DUNG

Trưởng ban kiểm soát

1. Họ và tên: Nguyễn Kim Dung
2. Số CMND: 021610034 Ngày cấp: 14/01/1996
3. Giới tính: Nữ
4. Ngày sinh: 26/07/1966
5. Nơi sinh: Sài gòn
6. Quốc tịch: Việt Nam
7. Dân tộc: Kinh
8. Quê quán: Sài gòn
9. Địa chỉ thường trú: 190/6/6 Sư Vạn Hạnh, Phường 9, Quận 5
10. Trình độ học vấn: 12/12
11. Trình độ chuyên môn: Cử nhân Luật, cử nhân Hành chính
12. Quá trình công tác
 - Từ 1988 – 2006: Thành Đoàn Thành phố Hồ Chí Minh
 - Từ 3/2006 – nay: Chủ tịch công đoàn Liên hiệp HTX thương mại Thành phố
13. Số lượng cổ phần sở hữu: 25.311 cổ phần (tương ứng 0,034% trên vốn điều lệ)

- Số lượng cổ phần đại diện: 15.000 Cổ phần
- Số lượng cổ phần sở hữu cá nhân: 10.311 cổ phần

Bà LÊ THỊ THUẦN

Thành viên Ban kiểm soát

1. Họ và tên: Lê Thị Thuần
2. Số CMND: 020012373 Ngày cấp: 11/09/1995
3. Giới tính: Nữ
4. Ngày sinh: 11/01/1956
5. Nơi sinh: Sài gòn
6. Quốc tịch: Việt Nam
7. Dân tộc: Kinh
8. Quê quán: Thái Bình
9. Địa chỉ thường trú: 263/9 Nguyễn Đình Chiểu, Phường 5, Quận 3, TPHCM
10. Trình độ học vấn: 12/12
11. Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế
12. Quá trình công tác
 - Từ 7/1976 – 8/1982: Công tác tại Công an Phường 9, Quận 3
 - Từ 9/1983 – 3/1993: Công tác tại cửa hàng Lương thực trung tâm Quận 3
 - Từ 3/1993 – nay: Công tác tại Liên hiệp HTX thương mại Thành phố, trưởng ban Kiểm toán nội bộ
13. Số lượng cổ phần sở hữu: 10.521 cổ phần (tương ứng 0,014% trên vốn điều lệ)
 - Số lượng cổ phần đại diện: Không có
 - Số lượng cổ phần sở hữu cá nhân: 10.521 cổ phần

Ông NGUYỄN HỮU ĐÔNG HÀ

Thành viên Ban kiểm soát

1. Họ và tên: Nguyễn Hữu Đông Hà
2. Số CMND: 022279705 Ngày cấp: 11/02/2004
3. Giới tính: Nam
4. Ngày sinh: 25/10/1966
5. Nơi sinh: Sài gòn
6. Quốc tịch: Việt Nam
7. Dân tộc: Kinh
8. Quê quán: Hậu Giang
9. Địa chỉ thường trú: 599B Cách Mạng Tháng 8, Phường 15, Quận 10, TPHCM
10. Trình độ học vấn: 12/12
11. Trình độ chuyên môn: Cử nhân kế toán
12. Quá trình công tác
 - Từ 1989-nay: Công tác tại phòng kế toán Liên hiệp HTX thương mại Thành phố

13. Số lượng cổ phần sở hữu: 9.317 cổ phần (tương ứng 0,013% trên vốn điều lệ)
- Số lượng cổ phần đại diện: Không có
 - Số lượng cổ phần sở hữu cá nhân: 9.317 Cổ phần

2. Các dữ liệu thống kê về cổ đông:

Danh sách cổ đông nắm giữ từ trên 5% vốn cổ phần của công ty; danh sách cổ đông sáng lập và tỷ lệ cổ phần nắm giữ; cơ cấu cổ đông

Bảng 1: Danh sách các cổ đông nắm giữ trên 5% Vốn cổ phần của Công ty đến ngày 25/03/2010

Stt	Tên Công ty	Địa chỉ	Số cổ phần	Phần vốn góp (đồng)	Tỷ lệ
1	Liên hiệp Hợp tác xã TM Tp.HCM Saigon Co.op (Đại diện: Ông Nguyễn Ngọc Hòa)	199-205 Nguyễn Thái Học, Quận 1, TPHCM	63.000.000	630.000.000.000	84,57%
Tổng cộng			63.000.000	630.000.000.000	84,57%

Bảng 2: Tỷ lệ sở hữu cổ phần của các cổ đông của Công ty đến ngày 25/03/2010

Cổ đông	Số cổ phần	Tỷ lệ (%)	Cơ cấu cổ đông (%)	
			Tổ chức	Cá nhân
Nhà nước	0	0		
Cổ đông ngoài Doanh nghiệp	74.281.266	99,57	85,24	14,33
Cổ đông trong Doanh nghiệp	322.657	0,43		0,43
<i>Trong đó:</i>				
<i>HĐQT, Ban TGD, BKS, KTT</i>	151.101	0,20		0,20
<i>CBCNV</i>	171.556	0,23		0,23
Tổng cộng	74.494.254	100	85,24	14,76

Bảng 3: Danh sách cổ đông sáng lập của SCID đến ngày 25/03/2010

Stt	Tên cổ đông	Địa chỉ	Số cổ phần nắm giữ	Tỷ lệ
01	Liên hiệp Hợp tác xã TM Tp.HCM Saigon Co.op	199-205 Nguyễn Thái Học, Quận 1, TPHCM	63.000.000	84,57%

02	Hợp tác xã thương mại dịch vụ Toàn Tâm	Trung tâm TMDV Giải trí: 497 Hòa Hảo, P7, Q10	500.000	0,67%
03	Bà Nguyễn Kim Dung	190/6/6 Sư Vạn hạnh, Q5, Tp.HCM	15.000	0,02%
Tổng cộng			65.515.000	85,26%

IX. VĂN HÓA DOANH NGHIỆP – MỘT SỐ HÌNH ẢNH TIÊU BIỂU



BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tóm tắt)

(Ban hành theo thông tư 03/2010/TT-BTC ngày 15 tháng 01 năm 2010 của Bộ tài chính hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán)

Mẫu CBTT-03

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

NGÀY 31/12/2009

STT	TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số đầu năm	Số cuối năm
A -	TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		367.138.415.004	413.810.310.175
I.	Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	39.713.539.152	2.021.589.892
II.	Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		33.400.000.000	7.000.000.000
III.	Các khoản phải thu ngắn hạn	130		290.252.243.450	396.897.163.496
IV.	Hàng tồn kho	140		-	-
V.	Tài sản ngắn hạn khác	150		3.772.632.402	7.891.556.787
1.	Chi phí trả trước ngắn hạn	151		73.100.000	11.800.000
B -	TÀI SẢN DÀI HẠN	200		549.934.451.476	680.064.849.814
I.	Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
II.	Tài sản cố định	220		195.905.117.875	257.714.960.894
1.	Tài sản cố định hữu hình	221	V.7	2.634.743.716	2.346.886.735
2.	Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
3.	Tài sản cố định vô hình	227		80.000.000	80.000.000
4.	Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	V.8	193.190.374.159	255.288.074.159
III.	Bất động sản đầu tư	240	V.9	20.718.679.105	20.190.377.225
IV.	Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		331.906.953.090	383.556.753.842
V.	Tài sản dài hạn khác	260		1.403.701.406	18.602.757.853
	TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		917.072.866.480	1.093.875.159.989
	NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số đầu năm	Số cuối năm
A -	NỢ PHẢI TRẢ	300		115.796.435.337	276.609.351.222
I.	Nợ ngắn hạn	310		98.685.498.978	145.109.728.394
II.	Nợ dài hạn	330		17.110.936.359	131.499.622.828
B -	NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		801.276.431.143	817.265.808.767
I.	Vốn chủ sở hữu	410		801.276.431.143	816.795.898.192

1.	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411	V.25	744.922.360.000	744.922.360.000
2.	Thặng dư vốn cổ phần	412		-	-
3.	Vốn khác của chủ sở hữu	413		-	-
4.	Cổ phiếu quỹ	414		-	-
5.	Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415		-	-
6.	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416	V.25	-	-41.829.840
7.	Quỹ đầu tư phát triển	417		-	-
8.	Quỹ dự phòng tài chính	418	V.25	-	2.808.924.024
9.	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		-	-
10.	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420	V.25	56.354.071.143	69.106.444.008
11.	Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	421		-	-
II.	Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	469.910.575
1.	Quỹ khen thưởng, phúc lợi	431	V.26	-	469.910.575
2.	Nguồn kinh phí	432		-	-
3.	Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	433		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		440		917.072.866.480	1.93.875.159.989

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH NĂM 2009

Đơn vị tính: VND

STT	CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm trước	Năm nay
1.	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	4.688.037.879	18.344.621.926
2.	Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3.	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	VI.1	4.688.037.879	18.344.621.926
4.	Giá vốn hàng bán	11	VI.2	528.301.880	2.871.808.393
5.	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		4.159.735.999	15.472.813.533
6.	Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	74.061.983.557	92.467.297.411
7.	Chi phí tài chính	22	VI.4	9.367.806.528	25.625.501.071
8.	Chi phí bán hàng	24	VI.5	743.774.435	758.292.849
9.	Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	VI.6	12.478.640.539	13.730.028.288
10.	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		55.631.498.054	67.826.288.736

11.	Thu nhập khác	31	VI.7	418.906.950	309.282.687
12.	Chi phí khác	32		4.000.000	-
13.	Lợi nhuận khác	40		414.906.950	309.282.687
14.	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		56.046.405.004	68.135.571.423
17.	Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		56.178.480.474	68.267.646.893
18.	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70		857	916

Tp HCM, ngày 15 tháng 04 năm 2010
Chủ tịch Hội đồng quản trị

Nguyễn Ngọc Hòa